ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO

Biểu số 01

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG GIẢI QUYẾT TTHC, DVC THEO THỜI GIAN

(Kèm theo Báo cáo số 09 /BC-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025 của UBND huyện Tuần Giáo)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	ĐIỂM CÁC CHỈ SỐ														ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC	TỔNG ĐIỂM QUY ĐỔI	XẾP LOẠI
		Nhóm chỉ số công khai, minh bạch				Tiến độ, KQ giải quyết (24đ)	Nhóm cung cấp DVTT		Nhóm số hoá hồ sơ (18đ)					Nhóm mức độ hài lòng (18đ)					
		Chỉ số 1 (6đ)	Chỉ số 2 (4đ)	Chỉ số 3 (2đ)	Chỉ số 4 (6đ)		DVCTT (12đ)	Thanh toán trực tuyến (10đ)	Chỉ số 12(6đ)	Chỉ số 13(4đ)	Chỉ số 14(2đ)	Chỉ số 15(2đ)	Chỉ số 16(4đ)	Chỉ số 17 (6đ)	Chỉ số 18(6đ)	Chỉ số 19 (6đ)			
1	UBND thị trấn Tuần Giáo				5,39	24	4,60	9,42	6	4	0	2		6	6	6	73,4	87,4	Tốt
2	UBND xã Mùn Chung				4,93	24	6,42	7,11	6	4	0	2		6	6	6	72,5	86,3	Tốt
3	UBND xã Nà Tòng				3,64	24	6,16	9,05	5,74	3,83	0	2		6	6	6	72,4	86,2	Tốt
4	UBND xã Quài Nưa				5,68	24	5,38	6,67	5,58	3,72	0	2		6	6	6	71,0	84,6	Tốt
5	UBND xã Tênh Phông				5,40	24	5,75	5,00	5,25	3,50	0	2		6	6	6	68,9	82,0	Tốt
6	UBND xã Nà Sáy				5,36	24	5,94	4,29	5,29	3,53	0	2		6	6	6	68,4	81,4	Tốt
7	UBND xã Mường Thín				3,00	24	6,42	4,67	6	4	0	2		6	6	6	68,1	81,1	Tốt
8	UBND xã Quài Cang				6,00	24	5,93	2,61	5,56	3,71	0	2		6	6	6	67,8	80,7	Tốt
9	UBND xã Phình Sáng				3,77	24	6,42	3,20	6	4	0	2		6	6	6	67,4	80,2	Tốt
10	UBND xã Pú Nhung				4,80	24	5,82	3,75	5,37	3,58	0	2		6	6	6	67,3	80,1	Tốt
11	UBND xã Mường Mùn				1,97	23,08	5,94	6,90	5,52	3,68	0	2		6	6	6	67,1	79,9	Khá
12	UBND xã Pú Xi				3,00	24	6,42	3,16	6	4	0	2		6	6	6	66,6	79,3	Khá
13	UBND xã Ta Ma				2,59	24	5,47	4,67	6	3,69	0	2		6	6	6	66,4	79,1	Khá
14	UBND xã Chiềng Đông				5,14	24	5,42	3,14	4,94	3,29	0	2		6	6	6	65,9	78,5	Khá
15	UBND xã Chiềng Sinh				4,63	24	5,97	0,59	5,56	3,70	0	2		6	6	6	64,5	76,7	Khá
16	UBND xã Quài Tở				3,38	24	6,42	0,59	6	4	0	2		6	6	6	64,4	76,6	Khá
17	UBND xã Tỏa Tình				3,93	22,74	6,10	2,14	5,63	3,75	0	2		6	6	6	64,3	76,5	Khá
18	UBND xã Rạng Đông				2,86	24	6,42	1,00	6	4	0	2		6	6	6	64,3	76,5	Khá
19	UBND xã Mường Khong				2,88	22,00	6,42	0,91	6	4	0	2		6	6	6	62,2	74,1	Khá

Biểu số 02

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SỐ HÓA HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hóa hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận				Số hóa kết quả giải quyết TTHC				Số hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ có số hóa thành phần HS	Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hóa TPHS	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ có số hóa kết quả	Tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ	Số hồ sơ chưa số hóa kết quả TTHC	
		(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(5)	(6)=(7)+(9)	(7)	(8)=(7)/(6)	(9)	(10)
1	UBND huyện Tuần Giáo	528	528	100	0	479	479	100	0	0
2	UBND thị trấn Tuần Giáo	79	79	100	0	79	79	100	0	0
3	UBND xã Chiềng Sinh	25	25	100	0	25	25	100	0	0
4	UBND xã Chiềng Đông	32	32	100	0	32	32	100	0	0
5	UBND xã Mùn Chung	37	37	100	0	37	37	100	0	0
6	UBND xã Mường Khong	12	12	100	0	12	12	100	0	0
7	UBND xã Mường Mùn	25	25	100	0	24	24	100	0	0
8	UBND xã Mường Thín	15	15	100	0	15	15	100	0	0
9	UBND xã Nà Sáy	25	25	100	0	25	24	96	1	0
10	UBND xã Nà Tòng	23	23	100	0	23	23	100	0	0
11	UBND xã Phình Sáng	34	34	100	0	33	33	100	0	0
12	UBND xã Pú Nhung	18	18	100	0	18	18	100	0	0
13	UBND xã Pú Xi	20	20	100	0	20	20	100	0	0
14	UBND xã Quài Cang	61	61	100	0	61	58	95,08	3	0
15	UBND xã Quài Nưa	51	51	100	0	52	52	100	0	0
16	UBND xã Quài Tở	20	20	100	0	19	19	100	0	0
17	UBND xã Rạng Đông	10	10	100	0	10	10	100	0	0
18	UBND xã Ta Ma	18	17	94,44	1	20	19	95	1	0
19	UBND xã Tênh Phông	8	8	100	0	8	8	100	0	0
20	UBND xã Tỏa Tình	18	17	94,44	1	18	17	94,44	1	0
TỔNG SỐ		**1.059**	**1.057**	**99.81%**	**2**	**1.010**	**1.004**	**99.41%**	**6**	**0**